

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

TẶNG NGỌC ĐỨC

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP  
HUYỆN TIÊN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM**

**Chuyên ngành: Kinh tế Phát triển**  
**Mã số: 60.31.05**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

**Đà Nẵng - Năm 2012**

Công trình được hoàn thành tại  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Nguyễn Thị Như Liêm**

Phản biện 1: .....

Phản biện 2: .....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày ...24.. tháng 11.. năm 2012.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng;
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Tiên Phước là huyện miền núi nghèo, kinh tế nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo trong phát triển kinh tế - xã hội huyện. Chưa có chiến lược bố trí sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản phù hợp với đặc điểm của huyện, kinh tế hộ sản xuất nhỏ lẻ, phân tán, manh mún, giá trị trên một đơn vị diện tích canh tác còn thấp, tiêu thụ nông sản gặp khó khăn. Chuyển dịch cơ cấu các ngành trong nông nghiệp chậm, việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đưa giống mới vào sản xuất hạn chế, các điều kiện phục vụ phát triển nông nghiệp còn thiếu và yếu. Mặc dù huyện đã đầu tư chăn nuôi theo hướng thâm canh, số lượng gia súc, gia cầm cơ bản ổn định, chất lượng được cải thiện, tỷ trọng ngành chăn nuôi trong cơ cấu kinh tế nông nghiệp có tăng, kinh tế vườn, kinh tế trang trại tiếp tục được đầu tư phát triển, kinh tế lâm nghiệp, chủ yếu là trồng rừng nguyên liệu phát triển mạnh. Tuy nhiên, phát triển kinh tế nông nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng của huyện, việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, thâm canh còn hạn chế. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi chưa mạnh, tính chất sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp thiếu ổn định, giá trị trên một đơn vị diện tích còn thấp. Kinh tế vườn, kinh tế trang trại, chăn nuôi tuy có bước phát triển nhưng chưa đồng bộ, thiếu bền vững. Công tác quy hoạch, bố trí vùng sản xuất chưa được chú trọng đúng mức, chưa tạo được sự gắn kết giữa doanh nghiệp và nông dân trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Các loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn chưa phát triển. Kinh tế nông nghiệp chưa có sự phát triển đột phá tạo tiền đề ban đầu cho thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Trong điều kiện hiện nay, phát huy những mặt đạt được, đưa ra

những giải pháp giải quyết tồn tại để phát triển kinh tế nông nghiệp của huyện là hết sức cần thiết. Với mong muốn nghiên cứu, đề xuất được một số giải pháp đóng góp phát triển kinh tế nông nghiệp của huyện, nâng cao đời sống nhân dân trên cơ sở phát huy, khai thác tiềm năng, lợi thế tự nhiên, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn và giải quyết việc làm. Đồng thời khắc phục những hạn chế ở khu vực nông thôn, ổn định an ninh lương thực, phát triển vững mạnh kinh tế nông nghiệp nông thôn là hết sức quan trọng trong tình hình kinh tế thế giới diễn biến khó lường hiện nay, nhìn nhận được sự cần thiết đó tác giả chọn đề tài “***Phát triển kinh tế nông nghiệp huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam***” nghiên cứu Luận văn thạc sỹ.

### 2. Mục tiêu của đề tài

#### \* Mục tiêu chung:

- Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển kinh tế nông nghiệp.

- Đánh giá thực trạng tình hình phát triển kinh tế nông nghiệp huyện Tiên Phước.

- Đề ra mục tiêu, giải pháp khoa học để phát triển kinh tế nông nghiệp ở huyện Tiên Phước.

#### \* Mục tiêu cụ thể:

### 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

\* **Đối tượng nghiên cứu:** Tập trung nghiên cứu quá trình phát triển ngành nông nghiệp, bao gồm: nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; quá trình phát triển ngành trồng trọt, chăn nuôi.

\* **Phạm vi nghiên cứu:** Huyện Tiên Phước và một số địa phương khác; giai đoạn 2000-2010, tập trung từ năm 2005 đến 2010; định hướng đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020 và những năm tiếp theo.

#### 4. Phương pháp nghiên cứu

Sử dụng các phương pháp như thống kê, phân tích số liệu, chi tiết hóa, so sánh, đánh giá, tổng hợp, khái quát, đánh chuyên gia...; xâm nhập thực tế, quan sát nắm bắt tình hình; thu thập tài liệu, số liệu...

#### 5. Cấu trúc luận văn

Chương 1. Cơ sở lý luận về phát triển kinh tế nông nghiệp

Chương 2. Thực trạng phát triển kinh tế nông nghiệp huyện Tiên Phước

Chương 3. Phương hướng và giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp huyện Tiên Phước.

#### 6. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu làm luận văn, tác giả đã tham khảo nhiều tài liệu từ các giáo trình, bài giảng; sách, báo, tạp chí, các bài viết và các chính sách liên quan đến phát triển kinh tế nông nghiệp.

## CHƯƠNG 1

### CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ

### PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

#### 1.1. KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

##### 1.1.1. Khái niệm nông nghiệp

##### 1.1.2. Lý luận về kinh tế nông nghiệp

*\* Một số lý thuyết có liên quan đến kinh tế nông nghiệp*

Trong điều kiện các nguồn lực phục vụ sản xuất nông nghiệp hạn chế, phát triển kinh tế nông nghiệp phải dựa trên cơ sở sử dụng có hiệu quả các nguồn lực khan hiếm, đòi hỏi phải phát triển kinh tế nông nghiệp chuyên sâu, tức là có các phương thức sản xuất mới, tiên tiến, hiện đại, có sự kết hợp tối ưu các yếu tố, đẩy mạnh chu trình sản xuất để tạo ra giá trị kinh tế cao.

##### 1.1.3. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp

Cơ cấu kinh tế nông nghiệp là số lượng của các bộ phận hợp thành của kinh tế nông nghiệp. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp phản ánh mặt lượng và mặt chất của sự tăng trưởng. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp gồm có cơ cấu ngành, cơ cấu vùng lãnh thổ, cơ cấu thành phần kinh tế.

##### 1.1.4. Đặc điểm của sản xuất nông nghiệp

##### 1.1.5. Vai trò, vị trí của kinh tế nông nghiệp

#### 1.2. PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

##### 1.2.1. Khái niệm và mục tiêu phát triển kinh tế nông nghiệp

###### *a. Khái niệm phát triển kinh tế nông nghiệp*

Phát triển kinh tế nông nghiệp là quá trình lớn lên (hay tăng tiến) về mọi mặt của nền kinh tế nông nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Phát triển kinh tế nông nghiệp theo những khía cạnh sau: Phát triển sức sản xuất trong nông nghiệp; Phát triển phân công lao động

trong nông nghiệp; Nâng cao dân trí; Giải quyết tốt vấn đề môi trường.

### **b. Mục tiêu phát triển kinh tế nông nghiệp**

Bảo đảm an ninh lương thực quốc gia trước mắt và lâu dài; Tăng nhanh sản xuất nông sản hàng hoá và hàng hoá xuất khẩu; Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho dân cư nông nghiệp và nông thôn; Bảo vệ môi trường sinh thái, giảm nhẹ thiên tai để phát triển bền vững.

#### **1.2.2. Nội dung phát triển kinh tế nông nghiệp**

##### **a. Phát triển kinh tế nông nghiệp về lượng**

- \* Tăng quy mô, sản lượng.
- \* Tăng giá trị sản xuất nông nghiệp.
- \* Tăng trưởng các ngành trong nội bộ nông nghiệp.

##### **b. Phát triển kinh tế nông nghiệp về chất**

- \* Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp hợp lý.
- \* Hoàn thiện tổ chức sản xuất nông nghiệp.
- \* Tăng năng suất nông nghiệp.
- \* Giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập lao động nông nghiệp.
- \* Bảo vệ, tái tạo môi trường sống và sản xuất nông nghiệp.

#### **1.2.3. Chỉ tiêu phát triển kinh tế nông nghiệp**

Quan điểm phổ biến hiện nay đánh giá phát triển kinh tế nông nghiệp là xác định rõ cả về những vấn đề định tính và định lượng của hoạt động kinh tế nông nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

##### **a. Chỉ tiêu định lượng**

- \* Giá trị sản xuất nông nghiệp.
- \* Mức và tốc độ tăng giá trị sản xuất nông nghiệp.

\* Năng suất nông nghiệp.

\* Việc làm và thu nhập lao động.

### **b. Chỉ tiêu định tính**

\* Thay đổi tỷ lệ đóng góp của các ngành trong nội bộ nông nghiệp.

\* Hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong sản xuất nông nghiệp: Với đất đai; Với lao động; Hiệu quả sử dụng vốn.

## **1.3. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP**

### **1.3.1. Yếu tố thuộc về tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên**

### **1.3.2. Yếu tố thị trường ảnh hưởng đến kinh tế nông nghiệp**

### **1.3.3. Yếu tố về kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp**

### **1.3.4. Yếu tố nguồn lực đầu tư sản xuất và hoạt động cung ứng dịch vụ nông nghiệp**

### **1.3.5. Yếu tố năng lực của chủ thể sản xuất**

### **1.3.6. Yếu tố khoa học - công nghệ ảnh hưởng đến kinh tế nông nghiệp**

### **1.3.7. Các cơ chế, chính sách Nhà nước về phát triển kinh tế nông nghiệp**

## **1.4. Kinh nghiệm phát triển kinh tế nông nghiệp của một số địa phương miền núi Việt Nam**

### **1.4.1. Kinh nghiệm của huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam**

### **1.4.2. Kinh nghiệm của huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh**

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP HUYỆN TIỀN PHƯỚC

#### 2.1. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH KINH TẾ CỦA HUYỆN TIỀN PHƯỚC

##### 2.1.1. Trình độ phát triển kinh tế

Xếp vào nhóm huyện có mức tăng trưởng chậm của tỉnh. GTSX bình quân đầu người của huyện chỉ bằng 43,2% mức chung toàn tỉnh. Ngành nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao (39,55%) trong tổng GTSX của huyện.

##### 2.1.2. Tăng trưởng kinh tế

##### 2.1.3. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

#### 2.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP HUYỆN TIỀN PHƯỚC

##### 2.2.1. Thực trạng phát triển về lượng

###### a. Quy mô, sản lượng nông nghiệp

Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp là 32.249 ha (chiếm 71% tích tự nhiên huyện). Tổng diện tích gieo trồng 2005 là 7.562 ha, năm 2009 là 7.532 ha, giảm 0,4%. Giai đoạn 2004-2006 tổng đàn gia súc tăng từ 50.811 con lên 53.701 con, giai đoạn 2007-2010 đàn gia súc có xu hướng giảm, từ 53.701 con xuống còn 44.139 con. Tổng đàn gia cầm tăng từ 203.900 con (năm 2005) lên 303.289 con (năm 2009). Năm 2010, sản lượng lương thực đạt khoảng 18.413 tấn, bình quân 265-270 kg/người/năm.

###### b. Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp

Số liệu bảng 2.3 và bảng 2.4 cho thấy giai đoạn 2005-2010, tốc độ tăng bình quân là 3,6%/năm, tăng mạnh năm 2006 tăng 5,59%, năm 2007 là 6,1%, năm 2010 là 5,1%, (do thời tiết thuận lợi,

ít dịch bệnh) các năm còn lại có mức tăng 4%, Giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân các năm theo giá cố định là 119,547 tỷ đồng. Số liệu bảng 2.3. cho thấy, giai đoạn 2006 -2010 chăn nuôi có tốc độ tăng bình quân khoảng gần 6,5%/năm. Trồng trọt có xu thế giảm và giữ ổn định về tỷ lệ, tuy nhiên vẫn có sự tăng năng suất, sản lượng và giá trị. Lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng khá cao, (tương ứng 14,4% và gần 9,3%/năm).

Giá trị sản phẩm trồng trọt trên 1 ha canh tác tăng từ 16,10 triệu đồng năm 2004 lên trên 30 triệu đồng năm 2010. Giá trị trồng trọt tăng rồi giảm theo từng năm do tình hình khai thác và giá bán cây nguyên liệu. Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi (giá cố định 94) tăng từ 25.618 triệu đồng năm 2006 lên 35.075 triệu đồng năm 2010.

##### c. Tăng trưởng các ngành trong nội bộ nông nghiệp

###### \* Ngành trồng trọt:

Từ năm 2000 đến nay, ngành trồng trọt luôn chiếm giá trị lớn trong sản xuất nông nghiệp. Kết quả một số loại cây trồng chính được thể hiện ở bảng 2.5 và bảng 2.6. Hiện tại ngành trồng trọt chiếm trên 45,08% (bảng 2.3) trong tổng giá trị ngành nông nghiệp. Năng suất cây trồng chính không tăng.

###### \* Ngành chăn nuôi

Bảng 2.7. thể hiện số lượng đàn gia súc, gia cầm ít thay đổi, thậm chí có năm sụt giảm. Dù vậy chăn nuôi vẫn có tỷ lệ tăng khá trong toàn ngành, từ 23.938 triệu đồng năm 2004 lên 35.075 triệu đồng năm 2010 (giá 1994), tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2000-2010 là 6,5%/năm (chiếm tỷ trọng 36,76% giá trị sản xuất ngành nông nghiệp và chiếm gần 27% trong giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp của huyện). Tổng đàn gia súc tăng giảm không đều, nguyên nhân chính là do ảnh hưởng bởi dịch bệnh, giá thuốc thú

ý, thức ăn gia súc tăng.

*\* Ngành Lâm nghiệp.*

Từ bảng 2.8. cho thấy, giá trị ngành lâm nghiệp hằng năm không cao, nhưng có xu hướng tăng và tăng mạnh nhất vào năm 2010. Trong đó, giá trị trồng, chăm sóc rừng và khai thác lâm sản chiếm tỷ trọng trên 90%.

Do diện tích đất lâm nghiệp tăng từ 12.820 ha năm 2005 lên 25.621 ha năm 2010 (trồng mới khoảng 6.946 ha, bình quân trồng hơn 1.000 ha/năm). Sản lượng gỗ khai thác năm 2010 trên 19.000 m<sup>3</sup>; giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp đã tăng từ mức 19.074,3 triệu đồng năm 2007 lên 35.574 triệu đồng năm 2010 (giá 1994) với tốc độ tăng bình quân 14,4%/năm, đã đem lại thu nhập đáng kể đối với người nông dân, tạo động lực kích thích nhân dân nhận thức rõ hơn về phát triển kinh tế lâm nghiệp trên địa bàn huyện.

*\* Ngành nuôi trồng thủy sản*

Qua số liệu bảng 2.9 nhận thấy giá trị các mặt hàng thủy sản có tăng nhưng không đáng kể, từ 175,2 triệu năm 2007 lên 339 triệu năm 2010. Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản hơn 13,08 ha. Năm 2010, giá trị sản xuất thủy sản đạt gần 400 triệu đồng (giá 94), so với năm 2007 tăng 9,30%. Quy mô ngành thủy sản nhỏ, cách thức nuôi đơn giản và ít đầu tư nên tạo ra giá trị thấp, tăng chậm.

*\* Giá trị ngành dịch vụ:*

Giá trị ngành dịch vụ nông nghiệp đạt thấp, từ mức 3,2 tỷ đồng năm 2001 đến 4,5 tỷ đồng năm 2009, tốc độ tăng trưởng bình quân 2005-2010 là 6,5%/năm.

### 2.2.2. Thực trạng phát triển về chất

#### a. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp

Chăn nuôi tăng dần và trồng trọt giảm dần, trong khi dịch vụ

thay đổi ít và chiếm tỷ trọng khá nhỏ. Thể hiện hình 2.1. cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp.

Theo số liệu tại hình 2.2, về giá trị nông nghiệp chiếm tỷ lệ rất lớn là 79,8%, lâm nghiệp ở mức độ tương đối chiếm dưới 22,5%, thủy sản có giá trị rất nhỏ dưới 0,35%.

#### b. Tổ chức sản xuất nông nghiệp

Dựa trên cơ sở địa lý, địa hình, không gian huyện được chia thành 04 vùng chính. Thực trạng phân chia các vùng sản xuất nông nghiệp như hiện nay chưa tạo ra sự đột phá trong phát triển kinh tế nông nghiệp.

Kinh tế hộ gia đình chiếm tới hơn 92% giá trị, thiếu sự gắn kết thành vùng chuyên canh lớn.

Kinh tế vườn, kinh tế trang trại phát huy hiệu quả. Kết quả ở bảng 2.11.

Kinh tế hợp tác xã còn yếu.

#### c. Lao động, việc làm, thu nhập trong nông nghiệp

Lao động trong nông nghiệp chiếm số lượng lớn, trình độ thấp thể hiện bảng 2.13. Toàn huyện hiện có 37.012 lao động, tỷ lệ sử dụng lao động nông thôn giảm từ 89,17% xuống 87,39%, tỷ lệ này còn cao.

**Bảng 2.14. Thu nhập bình quân đầu người tại huyện Tiên Phước**

| Năm  | Chung  |     | Thu từ tiền lương, tiền công |       | Thu từ nông lâm, thủy sản |       | Thu từ sản xuất phi nông nghiệp |       | Thu khác |       |
|------|--------|-----|------------------------------|-------|---------------------------|-------|---------------------------------|-------|----------|-------|
|      | 1.000đ | %   | 1.000đ                       | %     | 1.000đ                    | %     | 1.000đ                          | %     | 1.000đ   | %     |
| 2009 | 560,0  | 100 | 140,2                        | 25,04 | 205,6                     | 36,71 | 110,8                           | 19,79 | 103,4    | 18,46 |

*Nguồn: Điều tra phòng Thống kê tháng 7/2010*

Thu nhập bình quân đầu người thấp, năm 2009 là 5,6 triệu đồng/người (bằng 50% toàn tỉnh), trong đó thu nhập chủ yếu từ nông,

lâm, thủy sản. Lao động chủ yếu là nông nghiệp, mức thu nhập thấp nên tỷ lệ hộ nghèo cao, năm 2010 là 40,57%, cao hơn nhiều so với mức chung toàn tỉnh (23%).

#### ***d. Thực trạng môi trường sống, sản xuất nông nghiệp***

Sản xuất nông nghiệp chịu ảnh hưởng rất lớn bởi thời tiết, khí hậu.

#### **2.2.3. Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế nông nghiệp huyện Tiên Phước**

##### ***\* Thành tích đạt được***

Giá trị sản xuất bình quân hàng năm 5%, cơ cấu nông nghiệp, cơ cấu cây trồng vật nuôi chuyển dịch đúng hướng. Các loại giống mới cây trồng vật nuôi bước đầu đưa vào sản xuất, có bước ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, thực hiện hướng dẫn lịch thời vụ, tăng cường thâm canh tăng năng suất lúa. Kinh tế vườn, trang trại phát huy hiệu quả, tăng cường khai thác đồi trọc, các loại đất lâm nghiệp.

##### ***\* Những hạn chế, tồn tại***

Công tác quy hoạch, bố trí phân vùng sản xuất chưa hợp lý, chưa tạo sự gắn kết giữa doanh nghiệp và nông dân trong sản xuất tiêu thụ sản phẩm. Các loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn chưa phát triển, kinh tế hợp tác xã còn yếu. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi và chuyển dịch nội bộ ngành nông nghiệp chậm. Tính chất sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp chưa ổn định, giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích thấp. Kinh tế vườn, kinh tế trang trại, chăn nuôi phát triển chưa đồng bộ, thiếu bền vững, quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, chủ yếu theo hình thức hộ gia đình, số mô hình trang trại sản xuất hàng hóa lớn chưa nhiều. Chất lượng sản phẩm nông nghiệp còn thấp, sức cạnh tranh trên thị trường chưa cao. Sự đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi còn chậm, giống

mới có năng suất chất lượng cao chưa được nhân rộng. Mức độ áp dụng kỹ thuật - công nghệ và cơ giới hóa trong sản xuất còn hạn chế, các mô hình sản xuất có hiệu quả chưa được nhân rộng. Sản xuất nông nghiệp còn phụ thuộc nhiều vào thời tiết.

##### ***\* Nguyên nhân tồn tại***

Chưa có nghiên cứu phát triển nông nghiệp toàn diện. Địa hình chia cắt, ruộng đất manh mún, diện tích đất canh tác bình quân trên đầu người thấp dẫn đến quy mô sản xuất nhỏ lẻ, thiên tai, dịch bệnh thường xuyên. Nền nông nghiệp thuần nông, xuất phát thấp, vốn đầu tư còn hạn chế nên các chính sách đầu tư hạ tầng nông nghiệp, hỗ trợ nông dân thực hiện còn chậm, thấp. Dịch vụ phục vụ phát triển nông nghiệp phát triển tự phát, không định hướng, hoạt động của các cơ quan phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp còn mang nặng hành chính, chưa sâu sát với tình hình sản xuất nông nghiệp, trình độ chưa đáp ứng.

### **2.3. TÌNH HÌNH TÁC ĐỘNG CỦA CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP HUYỆN TIÊN PHƯỚC**

#### **2.3.1. Tác động của yếu tố tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.**

**\* Vị trí địa lý và địa hình:** Là huyện miền núi nằm ở phía Tây Nam tỉnh Quảng Nam. Địa hình bị chia cắt bởi đồi, núi, sông, suối, nhiều xã ở vùng sâu, vùng cao, giao thông đi lại khó khăn.

**\* Đất đai:** quỹ đất theo bảng 2.15, đất nông nghiệp chiếm 80%.

**\* Thời tiết, khí hậu, thủy văn:** Lượng mưa trung bình năm khoảng 2.000-2.500mm, phân bố không đều. Địa bàn huyện có 3 sông lớn và rất nhiều suối nhỏ và hồ, đập... có trữ lượng chứa nước lớn. Bảng 2.16. Sử dụng hồ chứa nước chính trên địa bàn huyện.

### **2.3.2. Tác động của thị trường đến phát triển kinh tế nông nghiệp**

Thị trường đầu vào khó kiểm soát chất lượng và giá cả. Giá nông sản bất ổn và thường bị ép giá.

### **2.3.3. Tác động của hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp**

- Thủy lợi: Toàn huyện có 439 công trình thủy lợi các loại với 35 km kênh mương cấp II, III (kiên cố được 20%), có 16/30 hồ chứa được khai thác và 110 đập dâng là nguồn cung cấp nước tưới sản xuất nông nghiệp. Sản xuất vườn nhà, vườn đồi không chủ động được nước tưới.

- Giao thông: Hệ thống đường liên thôn xóm, đường nội đồng, đường lâm sinh chưa rộng khắp. Chất lượng đường thấp, nền hẹp, hư hỏng, sinh lầy mùa mưa khó khăn vận chuyển.

- Hệ thống cấp điện: Tổng dung lượng là 4.267KVA. 100% số xã đã có lưới điện Quốc gia (có 15.684 hộ sử dụng điện Quốc gia, chiếm 92%). Đảm bảo phục vụ sản hoạt và sản xuất.

- Thông tin liên lạc: Có 01 trung tâm bưu chính, 02 bưu cục, 15 xã có bưu điện văn hóa, kết nối internet, mạng viễn thông về cơ bản đáp ứng được nhu cầu thông tin trên địa bàn.

### **2.3.4. Huy động các nguồn lực vào sản xuất và cung ứng dịch vụ nông nghiệp**

\* *Vốn đầu tư vào nông nghiệp*: Các nguồn vốn vay hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp chủ yếu từ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện. Tại ngân hàng chính sách đã cho vay theo cơ chế hỗ trợ lãi xuất cho 8.576 hộ với tổng số vốn là 124,32 tỷ đồng. Vốn ngân sách phục vụ chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Còn thiếu vốn.

\* *Lao động*: Bảng 2.17 cho thấy phần lớn lao động làm việc trong nông nghiệp nhưng có xu hướng giảm dần. Phần lớn chưa qua đào tạo nghề, sản xuất chủ yếu bằng kinh nghiệm, ít tuân thủ lịch thời vụ và các hướng dẫn khoa học về chăm sóc cây trồng, con vật nuôi.

\* *Trang thiết bị máy móc trong nông nghiệp và thâm canh tăng năng suất*: Bảng 2.18. Cơ giới hóa trong sản xuất diễn ra rất chậm, chủ yếu bán cơ giới.

\* *Thâm canh tăng năng suất một số cây trồng chính*: Bảng 2.19. Thâm canh tăng năng suất một số cây trồng chính của huyện. Phương thức canh tác ít đổi mới, mức tăng năng suất nông nghiệp thấp.

\* *Hệ thống cung ứng dịch vụ, kỹ thuật nông nghiệp*: hoạt động của hệ thống cung ứng dịch vụ hiệu quả thấp, chưa phát huy được vai trò nghiên cứu chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, các cơ sở kinh doanh vật tư tự phát chưa được kiểm soát hoạt động.

### **2.3.5. Khoa học – công nghệ đối với phát triển kinh tế nông nghiệp huyện**

Ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp ở huyện chưa rộng rãi, nguyên nhân do thiếu các điều kiện về hạ tầng, nguồn lực đầu tư và trình độ nông dân thấp.

### **2.3.6. Năng lực của chủ thể sản xuất đối với phát triển kinh tế nông nghiệp**

Trình độ nông dân thấp, đang thực hiện nâng cao trình độ và đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp.

### **2.3.7. Tác động của cơ chế, chính sách Nhà nước đến phát triển kinh tế nông nghiệp**



\* *Công tác quy hoạch phát triển nông nghiệp*: Trước nay huyện chỉ xây dựng kế hoạch giai đoạn và từng năm, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm. Chưa có nghiên cứu chiến lược.

\* *Chính sách định hướng chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp*: Trong nội bộ ngành nông, lâm, thủy sản thì huyện tiếp tục tập trung phát triển mạnh ngành nông nghiệp, lâm nghiệp. Trong nông nghiệp, phát triển mạnh ngành chăn nuôi, trong chăn nuôi tập trung vào đại gia súc, một số loại gia cầm và các loại đặt sản.

\* *Cải cách hành chính tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp*:

\* *Chính sách đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất*: Đang tập trung vào chuyển đổi giống cây trồng, con vật nuôi. Chú trọng chính sách phát triển hạ tầng kỹ thuật, hỗ trợ trang thiết bị máy móc, ứng dụng khoa học công nghệ. Tuy nhiên việc đầu tư còn rất hạn chế, dàn trải, thiếu đồng bộ do chưa có quy hoạch tổng thể và thiếu vốn nên kết quả chưa đạt cao.

\* *Chính sách phát triển cây công nghiệp, dược liệu, cây ăn quả, cây đặt sản*.

#### **2.4. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP HUYỆN TIÊN PHƯỚC**

*Thuận lợi*: Có khả năng tổ chức nền nông nghiệp chuyên môn hóa theo vùng, toàn huyện có thể chia thành 03 vùng rõ rệt theo địa hình, địa chất: (1) vùng thấp: Bao gồm các địa phương nằm dọc theo chiều dài các dòng sông; (2) vùng cao – xa: bao gồm các xã vùng sâu phía Tây và các xã vùng cao phía Bắc; (3) vùng sâu – xa: bao gồm các xã vùng sâu phía Tây và phía Đông huyện. Theo cách phân chia này vùng 1 sẽ phát triển chuyên môn hóa theo quy mô lớn trồng lúa và rau chất lượng cao do chất đất ở đây là đất phù sa, phì

nhiều màu mỡ; vùng 2 phát triển chuyên môn hóa trồng rừng, cây công nghiệp giá trị cao, chăn nuôi đại gia súc; vùng 3 phát triển chuyên môn hóa cây ăn quả, cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản. Trên cơ sở phân nhóm vùng và tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hướng chuyên môn hóa sẽ là điều kiện tốt để áp dụng các mô hình tổ chức sản xuất tiên tiến nhằm tận dụng triệt để lợi thế nhờ quy mô, nâng cao hiệu quả và tính hàng hóa sản xuất nông nghiệp trên toàn huyện.

*Khó khăn*: (1) Vị trí địa lý địa hình: nhìn chung địa hình hiểm trở, đồi núi, chia cắt mạnh, độ dốc lớn nên việc quy hoạch vùng sản xuất tập nông nghiệp tập trung gặp khó khăn; (2) nền kinh tế nông nghiệp chậm phát triển: điểm xuất phát thấp, tập quán canh tác, thói quen dựa và kinh nghiệm ít ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và thiếu vốn đầu tư vào sản xuất nên hiệu quả kinh tế nông nghiệp đạt thấp, bên cạnh đó các ngành nghề phụ trợ tạo động lực phát triển nông nghiệp chưa có; (3) Mức sống thấp, nguồn nhân lực hạn chế: thu nhập bình quân đầu người của huyện bằng 1/2 toàn tỉnh, ngân sách thu được rất thấp (hàng năm thu được chưa đảm bảo 22% nhu cầu chi); (4) Hạn chế về cơ sở hạ tầng: hệ thống hạ tầng giao thông rất thấp kém. Mạng lưới giao thông nông thôn, đường liên xã, liên thôn, xóm, đường lâm sinh, đường nội đồng rất ít và thô sơ, rất khó khăn trong quá trình vận chuyển, lưu thông. Hệ thống thủy lợi chưa khai thác được tiềm năng về nguồn nước, phân bố không đều, chất lượng và kỹ thuật các công trình thủy lợi thấp nên việc dẫn nước vào đồng, cấp nước tưới hoa màu, vườn đồi rất hạn chế, đây là điểm yếu trong tổ chức sản xuất, phát triển nông nghiệp.

### CHƯƠNG 3

#### PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP HUYỆN TIỀN PHƯỚC

##### 3.1. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP CỦA HUYỆN TIỀN PHƯỚC

###### 3.1.1. Phương hướng phát triển kinh tế nông nghiệp

Hình thành các vùng chuyên canh như vùng lúa chất lượng cao, vùng rau an toàn, vùng chăn nuôi tập trung. Tận dụng khai thác diện tích mặt nước ao, hồ, sông để phát triển thủy sản. Đẩy mạnh quá trình đầu tư thâm canh và nâng cao chất lượng sản phẩm, trên cơ sở đó phát triển các vùng chuyên canh và ứng dụng rộng rãi khoa học công nghệ vào sản xuất, đặc biệt là công nghệ sinh học, kỹ thuật mới phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của huyện. Tăng cường đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi, giao thông và các cơ sở hạ tầng nông thôn khác. Đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản theo hướng gắn sản xuất nông nghiệp với chế biến nông sản nhằm nâng cao chuỗi giá trị của hàng hóa nông nghiệp. Chuyển đổi diện tích các loại cây trồng năng suất thấp, kém hiệu quả sang cây công nghiệp và nuôi trồng thủy sản, chuyển đổi diện tích trồng lúa năng suất thấp sang trồng cây có giá trị kinh tế cao hơn như trồng rau, màu. Phát triển vùng nông – lâm – thủy sản nhiều thành phần kinh tế, khuyến khích phát triển kinh tế trang trại theo phương thức công nghiệp. Coi hộ gia đình là trung tâm, là đơn vị kinh tế tự chủ trong mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất nông nghiệp, hợp tác là hình thức liên kết chủ yếu nhằm nâng cao sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa.

\* *Phát triển nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi)*: Đẩy mạnh sản xuất, tập trung hình thành các vùng chuyên canh, các trang trại sản xuất có quy mô vừa và lớn; từng bước chuyển dịch theo hướng tăng dần giá trị ngành chăn nuôi. Ưu tiên phát triển đa dạng các loại cây trồng, con vật nuôi có chất lượng năng suất cao và các loại đặt sản gắn với thị trường. Chủ động chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi hợp lý.

\* *Phát triển ngành lâm nghiệp*: Thực hiện giao đất giao rừng gắn với quản lý, sản xuất bảo vệ và khai thác. Phát triển cây nguyên liệu, thí điểm trồng một số loại cây công nghiệp mới có giá trị kinh tế cao.

\* *Phát triển ngành thủy sản*: Tận dụng mặt nước tự nhiên, khuyến khích những nơi có nguồn nước chảy tự nhiên cải tạo không gian hợp lý tiến hành nuôi thả các loại thủy sản có giá trị kinh tế cao.

\* *Xây dựng phương án phát triển kinh tế nông nghiệp trong phát triển kinh tế tổng thể huyện Tiên Phước giai đoạn 2013 – 2020*

###### 3.1.2. Mục tiêu phát triển

- Đến năm 2020 đạt trên 205 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân là 5%/năm. Theo Bảng 3.2.

- Về cơ cấu sản xuất, theo bảng 3.3. dự tính cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đến 2020.

###### a. Mục tiêu định lượng

###### b. Mục tiêu định tính

##### 3.2. CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP HUYỆN TIỀN PHƯỚC

###### 3.2.1. Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, thích ứng tự nhiên

Sử dụng hợp lý tài nguyên đất, bảo vệ nguồn nước; tăng cường khả năng ứng phó thiên tai, dịch bệnh. Dựa vào đặc điểm địa hình, đặc tính thổ nhưỡng bố trí nuôi trồng phù hợp. Lựa chọn cây trồng vật nuôi phù hợp với yếu tố tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên để tăng năng suất nông nghiệp. Nắm bắt tình hình thời tiết, dịch bệnh để đưa ra lịch thời vụ, lịch nuôi trồng, tránh bớt tác động tự nhiên như hạn hán, bão lũ, rét hại, dịch bệnh... chủ động ứng phó thiên tai, dịch bệnh.

### **3.2.2. Giải pháp về thị trường sản xuất, tiêu thụ nông sản**

Nắm bắt thị trường, dự báo giá cả, nhằm định hướng sản xuất nông nghiệp hợp lý. Liên kết doanh nghiệp hỗ trợ sản xuất bao tiêu sản phẩm. Thành lập các Hội liên kết nhà nông chủ động tiêu thụ sản phẩm, ngăn chặn hiệu quả tình trạng tư thương ép giá. Tăng cường xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm nông nghiệp, xây dựng thương hiệu nông sản trên địa bàn. Cần kiểm soát tốt thị trường đầu vào phục vụ nông nghiệp như giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Tổ chức tốt hoạt động của các chợ trên địa bàn, giúp nông dân tiêu thụ sản phẩm, tăng thu nhập để tái đầu tư.

### **3.2.3. Giải pháp về kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp**

Phát triển hạ tầng nông nghiệp nông thôn phải đảm bảo: Phát triển giao thông nông thôn, nội đồng, cứng hóa đường lâm sinh trọng yếu, ưu tiên vùng khó khăn, đảm bảo giao thông thông suốt. Tập trung đầu tư thủy lợi đảm bảo chủ động nước tưới cho phần lớn diện tích sản xuất nông nghiệp. Phóng tuyến điện đến tận thôn xóm vùng cao, xa bảo đảm đủ điện phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới với các tiêu chí cụ thể, phù hợp với đặc điểm từng vùng. Nâng cao năng lực phòng chống, giảm

nhẹ thiên tai.

### **3.2.4. Giải pháp về khoa học công nghệ, môi trường và phát triển bền vững**

(1) Chủ động phối hợp với các trung tâm nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ phát triển nông nghiệp, trước hết tập trung vào chuyển đổi cơ cấu cây trồng, hình thành các vùng chuyên canh tập trung lớn, vùng sản xuất hàng hóa chất lượng cao. Tìm kiếm các giống cây, con mới có năng suất cao đưa vào sản xuất thử nghiệm, chọn các giống tốt ở địa phương, ứng dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật, thâm canh để tăng năng suất, tăng hiệu quả kinh tế. (2) Có chính sách ưu tiên cho các cơ sở và hộ nông dân tiếp thu các thành tựu khoa học, công nghệ mới trong việc phát triển kinh tế vườn, trang trại và chuyển đổi cơ cấu cây trồng, các cơ sở nông nghiệp chuyển đổi phương hướng sản xuất kinh doanh.

Về môi trường: Tăng cường công tác bảo vệ các nguồn tài nguyên tài nguyên rừng, sử dụng hiệu quả đất đai, nguồn nước, sử dụng đúng chỉ dẫn các loại chất hóa học trong nông nghiệp. Sử dụng mô hình đioaga để vừa xử lý ô nhiễm, vùi tiết kiệm nhiên liệu, hạn chế chất đốt từ củi, gỗ...

### **3.2.5. Tăng cường đầu tư phát triển kinh tế nông nghiệp và tổ chức hệ thống nông nghiệp theo hướng nông thôn mới**

Tranh thủ các nguồn vốn ngân sách cấp trên, ngân sách địa phương, vốn tín dụng, vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn các chương trình mục tiêu Quốc gia... vào đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp nông thôn. Tăng cường năng lực cho nông hộ, chủ trang trại. Hỗ trợ xây dựng các mô hình sản xuất mới, nhân rộng mô hình có hiệu quả, hỗ trợ lãi xuất vốn vay để nông dân đầu tư sản xuất nông

nghiệp.

Đẩy mạnh tổ chức lại hệ thống nông nghiệp theo hướng nông thôn mới. Tập trung thực hiện các tiêu chí nông thôn mới, bao gồm: tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Quy hoạch phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung. Đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến vào sản xuất, trọng tâm là công nghệ sinh học, công nghệ sản xuất, thu hoạch và bảo quản. Khuyến khích các hoạt động tiêu thụ nông sản. Xây dựng mạng lưới khuyến nông, khuyến lâm, thú y, bảo vệ thực vật ở cơ sở. Hỗ trợ khuyến khích phát triển dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp để áp dụng có hiệu quả các tiến bộ khoa học kỹ thuật và sản xuất.

### **3.2.6. Thâm canh tăng năng suất cây trồng, con vật nuôi phù hợp**

Cần tổ chức triển khai ứng dụng nhanh các thành tựu của khoa học và kỹ thuật vào sản xuất nông, lâm, thủy sản. Đầu tư trang thiết bị máy móc, giống mới chất lượng năng suất cao chống chịu bệnh tốt, ứng dụng khoa học công nghệ phù hợp với điều kiện tự nhiên cũng như trình độ canh tác của nhân dân trên địa bàn huyện nhằm không ngừng tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, rút ngắn chu kỳ sản xuất, nâng cao giá trị trên một đơn vị diện tích.

### **3.2.7. Tăng cường năng lực cho nông hộ, định hướng các loại hình sản xuất nông nghiệp chính**

Tăng cường tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức sản xuất nông nghiệp cho nông dân và cán bộ làm công tác quản lý nông nghiệp. Thực hiện liên kết đào tạo với các trường dạy nghề của tỉnh, cử người đi học các lớp nâng cao kỹ thuật tổ chức sản xuất nông

nghiệp, tăng khả năng thương mại trong nông nghiệp. Xây dựng cơ chế hỗ trợ đào tạo nhóm nông dân nòng cốt, phát huy vai trò của nhóm nông dân này trong việc xã hội hóa kiến thức phát triển kinh tế nông nghiệp. Cấp tài liệu sản xuất nông nghiệp đơn giản dễ đọc, dễ hiểu và hướng dẫn để nông dân thực hiện.

Định hướng các loại hình kinh tế cho nông dân, tương ứng với quy mô, mức độ ảnh hưởng và tạo ra hiệu quả kinh tế nông nghiệp. Xác định vai trò to lớn của kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại để có sự phân loại tổ chức sản xuất và đầu tư vốn hiệu quả.

### **3.2.8. Phát huy vai trò của Nhà nước về phát triển kinh tế nông nghiệp**

Tăng cường sự lãnh đạo của các Cấp ủy Đảng, năng lực triển khai thực hiện của hệ thống chính quyền từ huyện đến cơ sở thực thi các chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế nông nghiệp. Xác định được tầm quan trọng và mối quan hệ hữu cơ giữa phát triển kinh tế nông nghiệp với giải quyết các vấn đề xã hội đối với huyện miền núi Tiên Phước. Trên cơ sở các mục tiêu, chỉ tiêu lớn đặt ra, các cấp, các ngành cần hoạch định các chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp, kết hợp đồng bộ sự phát triển các ngành kinh tế khác. Cần có cơ chế vận dụng linh hoạt, phù hợp để nhận được sự đồng tình hưởng ứng nhân dân.

Huyện cần xây dựng các chính sách về đất đai, có quy hoạch và cơ chế bảo vệ vững chắc đất trồng lúa, hoa màu, đất canh tác, có cơ chế sử dụng đất lâm nghiệp, đất vườn nhà, vườn đồi. Xây dựng hoàn chỉnh chính sách chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp. Xây dựng cơ chế đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp nông thôn một cách linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế của huyện. Đề xuất chính sách về

vốn đầu tư sản xuất nông nghiệp, điều chỉnh cơ cấu đầu tư từ ngân sách nhà nước, ưu tiên bố trí các nguồn vốn đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn, tiếp tục dành nguồn vốn tín dụng ưu đãi khuyến khích các ngân hàng cho vay đối với nông nghiệp, nông thôn. Hỗ trợ quản bá, tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ máy móc thiết bị, ứng dụng khoa học kỹ thuật, giống vào sản xuất cho nông dân. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và đào tạo nâng cao trình độ cho nông dân.

## KẾT LUẬN

Đối với huyện Tiên Phước, nông nghiệp luôn là ngành kinh tế chủ đạo trong phát triển kinh tế - xã hội. Cùng với đà phát triển của cả nước, các chủ trương chính sách lớn về phát triển kinh tế nông nghiệp được triển khai thực hiện rộng rãi toàn huyện.

Huyện đã chú ý đến đầu tư kết cấu hạ tầng nông thôn, phục vụ sản xuất nông nghiệp, phục vụ dân sinh. Việc huy động đầu tư vốn, trang thiết bị máy móc, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp được chú trọng, mạnh dạng lai tạo, đưa giống mới vào sản xuất thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp đúng hướng. Lựa chọn cây trồng, vật nuôi năng suất chất lượng cao, hình thành vùng chuyên canh, phát triển kinh tế vườn, trang trại theo hướng hàng hóa. Triển khai thực hiện chương trình nông thôn mới, phát triển nông nghiệp nông thôn theo định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Song kết quả đạt được còn thấp, các thế mạnh tiềm năng nông nghiệp chưa được khai thác hiệu quả, chưa có chiến lược lâu dài phát triển nông nghiệp. Việc huy động sử dụng các nguồn lực, thâm canh tăng năng suất lao động, đẩy mạnh hoạt động sản xuất nông nghiệp còn nhiều khó khăn. Hoạt động sản xuất nông hộ phân tán, nhỏ lẻ, manh mún, hao tổn trong thu hoạch, bảo quản lớn, giá thành sản xuất cao, giá bán thấp, thu nhập nông dân thấp, đời sống còn nhiều khó khăn.

Mặc dù đã có sự nỗ lực của các cấp, các ngành, chính quyền địa phương và toàn dân song kinh tế nông nghiệp phát triển chưa tương xứng với tiềm năng của huyện, vẫn còn nhiều vấn đề tồn tại cần giải quyết. Bằng sự nỗ lực tìm tòi, nghiên cứu, tác giả đã đưa ra được phương hướng, mục tiêu và các giải pháp để phát triển kinh tế nông nghiệp huyện Tiên Phước trong những giai đoạn tới. Tác giả tin tưởng rằng, trong thời gian tới huyện bám sát mục tiêu, thực hiện giải pháp đã đề xuất, kinh tế nông nghiệp sẽ có sự phát triển mạnh mẽ./.